

Bản án số: 167/2024/DS-PT

Ngày: 18/3/2024

V/v: *Tranh chấp chia
thừa kế tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm
Các thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng
Ông Trương Chí Anh
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hà - Thư ký Tòa
án

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 18/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, xét xử phúc
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 441/2023/TLPT-DS ngày 02/11/2023 về việc
“*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*” do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DSST ngày
31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 584/2023/QĐ-PT ngày
27/11/2023, thông báo mở lại phiên tòa số 31/2024/TB-TA ngày 19/01/2024 giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương T Y; sinh năm: 1963; địa chỉ: Số 11, ngách 305/8,
tổ 10, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trương V T; sinh năm: 1945; có mặt tại phiên tòa.

2.2. Ông Trương V C; sinh năm: 1952; vắng mặt tại phiên tòa,

Ông T, ông C cùng địa chỉ: Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Diển A, xã Tứ Hiệp,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông T V T; sinh năm: 1958; địa chỉ: Số nhà 11, ngách 37, ngõ Tân Lạc,
đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; có
đơn xét xử vắng mặt.

3.2. Ông T V M; sinh năm: 1961; địa chỉ: Số 05, ngõ 61, đường Nguyễn Đức
Cảnh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; có đơn xét xử
vắng mặt.

3.3. Ông T V Ch; sinh năm: 1955. (Đã chết năm 2014).

Người thừa kế của ông Ch:

- Bà V T H; sinh năm: 1958 (Vợ ông Ch).

- Anh Tr V C1; sinh năm: 1980 (Con ông Ch).

- Anh Tr V D; sinh năm: 1983 (Con ông Ch).

Cùng chỗ ở hiện nay: Số 207/1 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Hải, anh Cường, anh Dũng vắng mặt tại phiên tòa.

3.4. Ông Tr V Đ; sinh năm: 1948. (Đã chết năm 2017).

Người thừa kế của ông Đ:

- Bà B T M; sinh năm: 1951 (Vợ ông Đ).

- Anh Tr Q T; sinh năm: 1979 (Con ông Đ).

Bà My, anh Tuấn cùng địa chỉ: Số 17, ngách 3, ngõ 160, phố Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; bà My, anh Tuấn vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Tr T M sinh năm: 1972 (Con ông Đ); có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số 2, ngách 22, ngõ 65, tập thể Đại học Xây dựng, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

3.5. Ông Tr V Th, sinh năm: 1950. (Đã chết năm 2018).

Người thừa kế của ông Th:

- Bà H T Y, sinh năm: 1953 (Vợ ông Th); vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số 2, ngõ 15, tổ 1A, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

- Chị Tr H H, sinh năm: 1977 (Con ông Th); vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

- Chị Tr H Ng, sinh năm: 1979 (Con ông Th); vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Đội 8, Vân Ga, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

- Chị Tr H H1, sinh năm: 1981 (Con ông Th); có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số 16 ngách phải, thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

- Chị Tr H A, sinh năm 1985 (Con ông Th); vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số 2 ngõ 15, tổ 1A phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H T Y, chị Tr H H, chị Tr H Ng, chị Tr H A là chị Tr H H1; sinh năm 1977; địa chỉ: Số 16 ngách phải, thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội; chị này có mặt tại phiên tòa.

3.6. Bà Ng T D, sinh năm: 1952 (Vợ ông T); có mặt tại phiên tòa.

3.7. Chị Tr T T H, sinh năm: 1976 (Con ông T); vắng mặt tại phiên tòa.

3.8. Chị Tr T T Th, sinh năm: 1978 (Con ông T); vắng mặt tại phiên tòa.

3.9. Chị Trương Thị Thanh Nga, sinh năm: 1983 (Con ông T); có mặt tại phiên tòa.

3.10. Chị Tr T B N, sinh năm: 1991 (Con ông T); vắng mặt tại phiên tòa.

Bà D, chị H1, chị Th, chị Ng, chị Ng1 cùng địa chỉ: Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Diển A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Ông Trương V T, Ông Trương V C (Là bị đơn) và chị Trương Thị Mỹ, anh Tr Q T, chị Tr H H1, chị Tr H A, chị Tr H Ng (Là người thừa kế của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn là Bà Trương T Y trình bày:

Bố bà là cụ Trương Văn Đống, sinh năm 1910, chết năm 1994 và mẹ là cụ Nguyễn Thị Hên, sinh năm 1925, chết năm 2006. Bố mẹ bà sinh được 8 người con gồm: Ông Trương V T, sinh năm 1945; Tr V Đ, sinh năm 1948 (chết năm 2018); Tr V Th, sinh năm 1950 (chết năm 2019); Trương Văn Công, sinh năm 1952; T V Ch, sinh năm 1955 (chết năm 2014); T V T, sinh năm 1958; T V M, sinh năm 1961; Trương Thị Yên, sinh năm 1963. Ngoài ra, bố mẹ tôi không có con nuôi, con riêng nào khác.

Khi còn sống bố mẹ bà tạo lập được các khối tài sản sau:

- Thửa đất thổ cư diện tích 329m² được thể hiện tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 08 năm 1994 tại xóm Đầu Làng, thôn cổ Diển A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội: Thửa đất này có nguồn gốc là do bố mẹ bà mua của ông Đắc từ năm 1975 đến năm 1976 xây dựng một ngôi nhà 5 gian, một bếp, một bể nước và sân gạch. Sau khi xây xong, bố mẹ bà giao cho Ông Trương V T trông nom, còn bố mẹ bà vẫn ở tại số 54 Hàng Đào. Vợ chồng ông T cùng các con ở tại ngôi nhà này đến năm 2002 thì xây nhà hai tầng ra ở riêng trên cùng thửa đất. Nhà ở và các công trình do bố mẹ bà xây dựng nay được tách ra làm ba căn, căn thứ nhất do ông Đ quản lý, sử dụng, trước đây là gian buồng của ngôi nhà năm gian. Nay, ông Đ đã chết thì căn (gian buồng) trên do các con ông Đ là chị Tr T M và anh Tr Q T quản lý, sử dụng. Căn thứ hai là gian giữa của căn nhà cũ 5 gian bố mẹ bà để lại do ông Tr V Th quản lý, sử dụng. Nay, ông Th đã chết thì hai gian nhà giữa này do con ông Tr V Th là chị Tr H H1 quản lý, sử dụng. Căn thứ ba (gian buồng trong cùng) của ngôi nhà 5 gian hiện do Ông Trương V C quản lý, sử dụng.

- Thửa đất vườn có diện tích 160m² được thể hiện tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 06 năm 1994 tại xóm Chòi, thôn Cổ Diển A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Thửa đất này có nguồn gốc là các cụ bên ngoại để lại cho mẹ bà. Ông bà ngoại bà là cụ Nguyễn Văn Huyền chết năm 1956 và cụ Nguyễn Thị Quyên, chết năm 1981 sinh được hai người con là mẹ bà và bà Nguyễn Thị Chục (chết khoảng năm 2010). Ngoài ra, ông bà ngoại bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Bà ngoại bà ở trên nhà đất này đến khoảng năm 1980 do bị ốm nên đã chuyển về sống cùng với vợ chồng ông T ở xóm Đầu Làng. Khoảng năm 1990 thì ngôi nhà cũ lợp rạ mục nát, ông T đã phá dỡ và làm vườn cây. Năm 2001, mẹ bà có nguyện vọng về quê xây nhà để ở nên mẹ bà và bà đã xây ngôi nhà mái bằng một tầng ba gian, công, tường bao phía trước tại thửa đất này. Toàn bộ tiền xây nhà do bà bỏ ra và đồ đạc trong nhà do bà mua sắm. Năm

2003, tôi đi nước ngoài, nhà đất này do mẹ bà quản lý, sử dụng đến năm 2006 thì mẹ bà chết. Năm 2007, bà muốn về ở thửa đất này nhưng ông Đ, ông Th không đồng ý với lý do mẹ bà đã có di chúc cho ông Đ, ông Th đang quản lý.

Ngoài hai khối tài sản trên, bố mẹ bà không để lại di sản nào khác.

Năm 2009, bà đã khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của bố mẹ bà để lại. Theo bản án phúc thẩm số 161/2009/DSSPT ngày 30/6/2009 của Tòa án nhân thành phố Hà Nội xác định bố mẹ bà còn lại hai khối di sản trên và đã bác yêu cầu khởi kiện của bà về chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế là nhà và đất của mẹ bà ở thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Xác định bố bà chết ngày 22/10/1994, thời điểm mở thừa kế là 29/11/2006 nên đã hết thời hiệu chia thừa kế.

Theo bản án phúc thẩm số 161 thì Tòa án xác định những người được hưởng thừa kế theo di chúc đối với di chúc của mẹ bà là ông T, ông Đ, ông Th, ông C và chia như sau:

* Đối với di sản của mẹ bà là xóm Đầu Làng:

- Ông Trương V T được sở hữu nhà mái bằng tự xây, diện tích 7,5mx8m = 60m² trị giá 442.740.000 đồng trên diện tích 60m², đất trị giá 420.000.000 đồng.

Vị trí: Cạnh phía Bắc giáp gian bếp cũ dài 8m, cạnh phía Tây giáp đất bà Mẽ dài 7,5m; cạnh phía Nam giáp bếp và khu phụ 8m, cạnh phía Đông giáp sân gạch dài 7,5m.

Vợ chồng ông T được sở hữu những tài sản xây dựng trên phần đất thuộc di sản của bố tôi là nhà bán mái, khu bếp, WC, tường bao, cổng...

- Ông Tr V Đ được sở hữu gian bếp cấp bốn đầu hồi phía Đông và một phần gian giữa, khu phụ WC, một phần đất giáp đất nhà ông Trọng, ông Lập, diện tích 40m² trị giá 290.000.000 đồng.

Vị trí: Cạnh phía Bắc giáp đất nhà ông Trọng dài 5m, phía nhà ông Lập dài 7m (tính theo đường thẳng từ góc đất vuông góc với sân).

- Ông Tr V Th được sở hữu một phần của hai gian nhà giữa và một phần gian đầu hồi diện tích 32m² trị giá 231.140.000 đồng.

Vị trí: Cạnh phía Bắc giáp đất nhà ông Trọng dài 4,57m, phía nhà ông Đ dài 7m, phía giáp nhà ông C dài 7m, phía giáp sân dài 4,57m.

- Ông Trương V C được sở hữu một phần gian nhà còn lại, phía Tây giáp diện tích 32m² trị giá 231.140.000 đồng.

Vị trí: Cạnh giáp đất nhà ông Trọng dài 4,57m, phía nhà ông Th dài 7m, phía giáp nhà bà Mẽ dài 7m, phía giáp sân dài 4,57m.

Phần diện tích sân, lối đi còn lại 164m² thuộc di sản của cụ Trương Văn Đống đã hết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không xem xét.

*Đối với di sản của mẹ bà ở xóm Chồi: Giao cho ông Đ, ông T, ông Th được quản lý gian nhà mái bằng, công trình phụ, giếng khoan trên diện tích 79m² trị giá 692.369.000 đồng. Vị trí nhà đất nằm phía tay phải đứng từ đường nhìn vào có chiều mặt đường là 6,07m; dài 13m giáp nhà ông Sơn.

Phần di sản của bố bà là 79m² đất còn lại trị giá quyền sử dụng là 632.000.000 đồng đã hết thời hiệu khởi kiện nên Tòa không xét.

Phần tường tôi xây dựng trên đất năm 2007 trị giá 5.500.000 đồng thì ông Đ, ông T, ông Th phải thanh toán tiền cho bà nhưng đến nay cả ba ông vẫn chưa thanh toán cho bà.

Ngoài ra, Tòa án còn phân chia một số động sản giường, tủ, ti vi, tủ lạnh....

Bố bà chết không để lại di chúc. Nay, bà khởi kiện tại Tòa án đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của bố bà là 164m² đất tại xóm Đầu Làng và 79m² đất tại xóm Chòi, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Nếu được hưởng di sản thừa kế của bố bà để lại thì bà, ông T V T, T V M, ông T V Ch xin nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật và nhận vào cùng một vị trí để tiện cho việc anh em bà xây nhà thờ cúng bố mẹ.

Bị đơn Ông Trương V T trình bày: Ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bà Trương T Y, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện đối với Bà Trương T Y.

Bị đơn Ông Trương V C trình bày: Bố mẹ ông là hai cụ Trương Văn Đống và Nguyễn Thị Hên sinh được 08 người con như bà Y trình bày là đúng. Năm 1994, bố ông chết không để lại di chúc. Trong thời gian còn sống bố mẹ ông có mua đất làm nhà tại xóm Đầu Làng với diện tích 328m² thời điểm năm 1976. Đến năm 1984 bố mẹ ông mua lại nhà 54 Hàng Đào. Đối với căn nhà tại Ngõ Huyện bố mẹ ông ở đó từ năm 1956 sau khi sơ tán đến năm 1984 trở lại căn nhà 54 Hàng Đào và để lại nhà ở Ngõ Huyện cho 3 anh em là Chiến, Tiến, Mạnh. Căn nhà tại Hàng Đào, mẹ ông đã cho bà Y, anh em ông không thắc mắc gì, căn nhà Ngõ Huyện, mẹ ông đã bán và chia cho các con. Đối với 02 mảnh đất tại xóm Chòi và xóm Đầu Làng đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội phân chia. Mẹ ông cụ Nguyễn Thị Hên cũng đã di chúc lại cho các con chăm nom làm nơi hương khói. Trước yêu cầu chia thừa kế của bà Y, anh em ông không đồng ý.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà V T H, anh Tr V C1, anh Tr V D (là người thừa kế của ông T V Ch) thống nhất trình bày: Bà và các anh là người liên quan trong vụ án chia di sản thừa kế của cụ Trương Văn Đống là bố chồng, ông nội của mình để lại. Nếu được hưởng di sản từ cụ Đống để lại, bà và các anh tự nguyện nhận và cho tặng Bà Trương T Y được hưởng, ngoài ra không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Ông T V T, ông T V M thống nhất trình bày: Bố, mẹ các ông là cụ Trương Văn Đống, cụ Nguyễn Thị Hên sinh được 08 người con như bà Y trình bày. Di sản của bố mẹ các ông để lại là thừa đất 160m² tại xóm Chòi, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội và thừa đất 329m² tại xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì. Năm 2009, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã phân chia thừa kế di sản của mẹ các ông để lại là ½ trong tổng số diện tích đất nêu trên. Khi cụ Đống chết không để lại di chúc, nay các ông đề nghị phân chia theo pháp luật di sản của bố các ông để lại. Các ông tự nguyện nhận di sản và cho tặng em gái là Bà Trương T Y phần di sản mà mình được nhận. Ngoài ra, không có yêu cầu đề nghị khác.

Bà Tr H H1 trình bày: Cụ Trương Văn Đống và cụ Nguyễn Thị Hên khi còn sống tạo lập được các khối tài sản sau: Nhà 54 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, Thành

phố Hà Nội. Năm 2000, cụ Hén đã bán cho ông Vũ Huy Vĩnh ở phố Lý Quốc Sư, Thành phố Hà Nội được 40 cây vàng, cụ Hén cầm 08 cây vàng, cho con gái Trương Thị Yên 32 cây vàng; Nhà 28 Ngõ Huyện, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Năm 2001, cụ Hén bán nhà cho ông Hà Xuân Hạnh, bà Lê Thị Hương ở xóm Hạ Hối, Thành phố Hà Nội với giá 147 cây vàng, cụ Hén đã làm giấy tờ chia số vàng thu được, tuy nhiên các ông tự chia số vàng như sau: Ông T V Ch 72 cây vàng, ông T V T 32,5 cây vàng, ông T V M 32,5 cây vàng, đưa cụ Hén 10 cây vàng; Nhà ở xóm Đầu Làng, diện tích 329m² ở thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Năm 2002 cụ Hén chia đất cho các con, hiện nay ông T xây nhà kiên cố trên 120m² đất được chia; Nhà ở Xóm Chồi, diện tích 158m² ở thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, di nguyện của cụ Hén làm nhà thờ tổ không được bán. Bà đề nghị Tòa án chia phần thừa kế của cụ Trương Văn Đồng đối với 02 khối tài sản tại 54 Hàng Đào và 28 Ngõ Huyện.

Bà Tr T M có đơn yêu cầu độc lập đề ngày 23 tháng 5 năm 2023 gửi qua đường bưu điện đề nghị Tòa án xác định phần tài sản 54 Hàng Đào và 28 Ngõ Huyện của cụ Nguyễn Thị Hén đã bán và để lại 32 cây vàng cho Bà Trương T Y là đúng sự thật; buộc Bà Trương T Y giải trình toàn bộ về số tài sản được cụ Hén trao cho khi bán nhà tại 54 Hàng Đào và 28 Ngõ Huyện.

Bà Ng T D trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo cho gia đình bà có chỗ ở, vì nhà đất này là nơi sinh sống duy nhất của gia đình. Hơn nữa ông T là thương binh đề nghị Tòa án đảm bảo quyền lợi cho ông T.

Bà B T M, anh Tr Q T, bà H T Y, chị Tr H H, chị Tr H Ng, chị Tr H A không đưa ra ý kiến, quan điểm gì.

Kết quả xem xét thẩm định tại thửa đất đang có tranh chấp thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 06, địa chỉ xóm Chồi, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội như sau: Nhà bê tông diện tích xây dựng 30,6m²; diện tích mái tôn 10,5m²; 01 giếng khoan, 02 cây cau, 02 cây gỗ sưa, 01 cây nhãn, 01 cây quất hồng bì, 01 bể nước.

Xem xét thẩm định tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08, địa chỉ xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội như sau: Nhà bê tông 2 tầng, diện tích xây dựng 70m²; mái tôn 36,9m²; ngõ đi chung 49,6m²; 03 gian nhà cấp 4, tường gạch cùng công trình phụ, bể nước.

Về giá trị tài sản trên đất được hội đồng định giá xác định:

1. Giá trị công trình xây dựng và cây trồng phát sinh tại vị trí xóm Chồi, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

- 01 bể nước mưa: 1,5m³ x 2.941.000đ = 3.823.300đ.
- 01 bộ cổng sắt: 1.554m² x 527.000đ = 818.958đ.
- Tường bao xây gạch 110: 676.000đ.
- 01 cây nhãn đường kính 25cm: 960.000đ.
- 01 cây hồng bì đường kính: 140.000đ.
- 01 cây cau: 420.000đ.

2. Giá trị công trình xây dựng và cây trồng phát sinh tại xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

- 01 ngôi nhà 02 tầng, 01 tum xây năm 2002: $70\text{m}^2 \times 5.971.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 30\% = 125.391.000$ đồng.

- 01 sân lát gạch đỏ: $50,8\text{m}^2 \times 281.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 30\% = 4.904.010$ đồng.

- 01 mái tôn trên toàn bộ diện tích sân: $36,9\text{m}^2 \times 443.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 30\% = 4.904.010$ đồng.

- 01 bộ cổng sắt: $2,28\text{m}^2 \times 527.000\text{đ} = 1.201.560$ đồng.

- 01 trụ cổng: $0,32\text{m} \times 0,32\text{m} \times 676.000\text{đ} \times 30\% = 20.766$ đồng.

- Tường bao bằng gạch: $8,14\text{m} \times 0,85\text{m} \times 676.000\text{đ} = 4.700.228$ đồng.

- Tường bao bằng thép: $8,14\text{m} \times 1,1\text{m} \times 261.000\text{đ} = 2.336.994$ đồng.

- 01 cây trứng gà: 400.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DSST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội đã xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của Bà Trương T Y:

- Chia Bà Trương T Y, ông T V Ch, ông T V M, ông T V T được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích $67,2\text{m}^2$ của thửa đất số 63, tờ bản đồ số 06, địa chỉ xóm Chòi, thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội quản lý, sử dụng và định đoạt trên đất có 01 bể nước, 01 cây nhãn, 01 cây quất hồng bì đất. Ông T V M, ông T V T, những người thừa kế của ông T V Ch tặng cho phần di sản của mình được hưởng cho Bà Trương T Y. Giao Bà Trương T Y quản lý, sử dụng, định đoạt toàn bộ phần diện tích đất nêu trên. Được xác định bởi các điểm (3,4,5,6,3).

- Chia Ông Trương V C được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích $53,3\text{m}^2$ đất cùng các công trình trên đất của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08, diện tích 329m^2 tại Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm (20, 23, 24, 25, 17, 18, 19, 20). Ông Trương V C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tr V Th $12.000.000$ đồng.

- Chia ông Tr V Th được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích $41,7\text{m}^2$ đất cùng các công trình trên đất của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08, diện tích 329m^2 tại Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm (21,30,24,23,20,21). Được nhận thanh toán từ Ông Trương V C số tiền $12.000.000\text{đ}$, nhận thanh toán từ Ông Trương V T số tiền $324.000.000\text{đ}$.

- Chia ông Tr V Đ được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích $56,8\text{m}^2$ đất cùng các công trình trên đất của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08, diện tích 329m^2 tại Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,7,30,31,21,22,1). Được nhận thanh toán từ Ông Trương V T số tiền $120.300.000\text{đ}$.

- Giao Ông Trương V T có quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích $113,3\text{m}^2$ cùng với $12,6\text{m}^2$ đất của cụ Hên được hưởng, tổng diện tích là $125,9\text{m}^2$ đất và các công trình trên đất của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08, diện tích 329m^2 tại Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội,

được giới hạn bởi các điểm (13,14,15,16,17,25,26,27,28,29,13). Ông Trương V T có nghĩa vụ trả cho ông Tr V Th số tiền 324.000.000đ. trả cho ông Tr V Đ số tiền 120.300.000đ; trả cho Bà Trương T Y số tiền 490.200.000đ.

- Xác định diện tích 49,6m² của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08, diện tích 329m² tại Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Diển A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm (7,8,9,10,11,12,13,29,28,27,26,25,24,30,7) là ngõ đi chung.

Có sơ đồ chi tiết kèm theo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự. Không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên:

Ngày 14/6/2023 bị đơn là Ông Trương V T và Ông Trương V C nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho ông T, ông C.

Ngày 12/6/2023, người thừa kế của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Tr H H1, chị Trương Thị Mỹ, anh Tr Q T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 19/6/2023 chị Tr H A, chị Tr H Ng – Là người thừa kế của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Chị Hà, chị Mỹ, anh Tuấn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, xác định tại di sản thừa kế của cụ Đồng và phân chia lại di sản, đề nghị được nhận bằng hiện vật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xử.

- Bị đơn Ông Trương V T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày đề nghị Hội đồng xét xử:

Tính công sức của ông T trong quản lý, bảo quản, tôn tạo 329m² đất tại thửa 57, tờ bản đồ số 08 xóm Đầu Làng và 158m² tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 06 xóm Chồi.

Đối với 20 cây vàng khi bán nhà 54 Hàng Đào và 79,5 cây vàng khi bán nhà 28 ngõ huyện là di sản của cụ Đồng, ông T đề nghị chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đồng.

Xem xét việc cụ Hên phân chia di sản thừa kế cho bà Y, ông Ch, ông Tiến, ông M có điều kiện không tranh chấp ở nhà quê để đảm bảo quyền lợi của ông T là con trưởng trông nom phần đất và tiền ông T bỏ ra mua đất tại xóm Đầu Làng.

Phân chia đất làm ngõ đi chung tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08 tại xóm Đầu Làng, thôn Cổ Diển A phù hợp để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tr T M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định rõ phần tài sản 54 Hàng Đào và 28 Ngõ Huyện của bà nội chị Mỹ là cụ Nguyễn Thị Hên đã bán và để lại cho Bà Trương T Y là đúng sự thực.

Buộc Bà Trương T Y giải trình toàn bộ về số tài sản được cụ Hên trao cho khi bàn nhà tại 54 Hàng Đào và 28 Ngõ Huyện, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Phân chia di sản của cụ Đồng cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và chị yêu cầu được hưởng kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tr H H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày chị Hà thống nhất với ý kiến trình bày của chị Trương Thị Mỹ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ng T D trình bày bà D thống nhất với ý kiến trình bày của Ông Trương V T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Thanh Nga trình bày chị Ng thống nhất với ý kiến trình bày của Ông Trương V T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định.

Tại phiên tòa bị đơn Ông Trương V C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tr Q T vắng mặt không có lý do nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông C và anh Tuấn.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án và đánh giá chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Trương T Y khởi kiện Ông Trương V T và Ông Trương V C yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trương Văn Đồng để lại gồm: 164m² đất tại xóm Đầu Làng và 79m² đất tại xóm Chòi, thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội theo pháp luật.

Bị đơn có địa chỉ tại xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điện, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp chia thừa kế tài sản” theo Khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý giải quyết là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền lãnh thổ và thẩm quyền về loại việc.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các quy định của Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những đương sự này.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ngày 23/5/2023, chị Tr T M có đơn yêu cầu độc lập gửi Tòa án cấp sơ thẩm; Hội đồng xét xử xét thấy ngày 27/4/2023, Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“... Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...”

Như vậy đơn yêu cầu độc lập của chị Mỹ đã gửi sau khi Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý xem xét yêu cầu độc lập của chị Mỹ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Trương V C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tr Q T tại phiên tòa ngày hôm nay ông C và anh Tuấn vắng mặt đã được triệu tập lần thứ ba nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ các quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với kháng cáo của ông C và anh Tuấn.

[2]. Về hình thức: Bị đơn là Ông Trương V T và Ông Trương V C; những người thừa kế của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tr Q T, chị Tr H H1, chị Trương Thị Mỹ, chị Tr H A, chị Tr H Ng làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên hợp lệ về hình thức.

[3]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn là Ông Trương V T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị Mỹ, chị Tr H H1, chị Tr H Ng, chị Tr H A.

3.1. Về thời hiệu thừa kế: Cụ Trương Văn Đồng, sinh năm 1910, chết ngày 22/10/1994, thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Đồng là ngày 22/10/1994. Ngày 13/5/2022, nguyên đơn Bà Trương T Y nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố bà Y để lại là đất tại xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Căn cứ Khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm nên nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đồng để lại còn trong thời hiệu khởi kiện.

3.2. Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo lời khai thống nhất của các đương sự đủ căn cứ xác định: Cụ Trương Văn Đồng và cụ Nguyễn Thị Hên sinh được 08 người con là:

1. Ông Trương V T, sinh năm 1945;
2. Ông Tr V Đ, sinh năm 1948 (chết năm 2017);
3. Ông Tr V Th, sinh năm 1950 (chết năm 2018);
4. Ông Trương V C, sinh năm 1952;
5. Ông T V Ch, sinh năm 1955 (chết năm 2014);
6. Ông T V T, sinh năm 1958;

7. Ông T V M, sinh năm 1961;

8. Bà Trương T Y, sinh năm 1963;

Hai cụ không nhận ai làm con nuôi và không có con riêng. Tại thời điểm mở thừa kế là năm 1994, cụ Hén vẫn còn sống nên căn cứ Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trương Văn Đồng là cụ Nguyễn Thị Hén, Ông Trương V T, ông Tr V Đ, ông Tr V Th, Ông Trương V C, ông T V Ch, ông T V T, ông T V M và Bà Trương T Y.

Ông Đ chết năm 2017 nên bà B T M; sinh năm: 1951 (Vợ ông Đ); anh Tr Q T; sinh năm: 1979 (Con ông Đ); chị Tr T M sinh năm: 1972 (Con ông Đ) là người thừa kế của ông Đ được hưởng kỷ phần thừa kế di sản để lại của cụ Trương Văn Đồng.

Ông Th chết năm 2018 nên bà H T Y, sinh năm: 1953 (Vợ ông Th); chị Tr H H, sinh năm: 1977 (Con ông Th); chị Tr H Ng, sinh năm: 1979 (Con ông Th); chị Tr H H1, sinh năm: 1981 (Con ông Th); chị Tr H A, sinh năm 1985 (Con ông Th) là người thừa kế của ông Th được hưởng kỷ phần thừa kế di sản để lại của cụ Trương Văn Đồng.

Ông Ch chết năm 2014 nên bà V T H; sinh năm: 1958 (Vợ ông Ch); anh Tr V C1; sinh năm: 1980 (Con ông Ch); anh Tr V D; sinh năm: 1983 (Con ông Ch) là người là người thừa kế của ông Ch được hưởng kỷ phần thừa kế di sản để lại của cụ Trương Văn Đồng.

3.3. Về di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế:

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo các lời khai của các đương sự sinh thời, cụ Đồng và cụ Hén có tạo lập được:

- Thừa đất thổ cư diện tích 329m² được thể hiện tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 08 năm 1994 tại xóm Đầu Làng, thôn cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội: Thửa đất này có nguồn gốc là do cụ Đồng và cụ Hén mua của cụ Đắc từ năm 1975 đến năm 1976 xây dựng một ngôi nhà 5 gian, một bếp, một bể nước và sân gạch.

- Thừa đất vườn có diện tích 160m² được thể hiện tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 06 năm 1994 tại xóm Chòi, thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Thửa đất này có nguồn gốc là các cụ bên ngoại để lại cho cụ Hén.

Ngày 22/10/1994, cụ Trương Văn Đồng chết không để lại di chúc.

Ngày 29/11/2006, cụ Nguyễn Thị Hén chết có để lại di chúc.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 161/DSPT ngày 30/6/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử và đã xác nhận di chúc của cụ Hén có hiệu lực pháp luật đối với phần di sản của cụ Hén với thời điểm mở thừa kế của cụ Hén là ngày 29/11/2006.

Chia hiện vật đối với di sản của cụ Hén tại xóm Đầu Làng, thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội:

- Ông Trương V T được sở hữu nhà mái bằng tự xây, diện tích 7,5mx8m = 60m² trị giá 442.740.000 đồng trên diện tích 60m², đất trị giá 420.000.000 đồng.

- Ông Tr V Đ được sở hữu gian bếp cấp bốn đầu hồi phía Đông và một phần gian giữa, khu phụ WC, một phần đất giáp đất nhà ông Trọng, ông Lập, diện tích 40m² trị giá 290.000.000 đồng.

- Ông Tr V Th được sở hữu một phần của hai gian nhà giữa và một phần gian đầu hồi diện tích 32m² trị giá 231.140.000 đồng.

- Ông Trương V C được sở hữu một phần gian nhà còn lại, phía Tây giáp diện tích 32m² trị giá 231.140.000 đồng.

Chia hiện vật đối với di sản của cụ Hén tại xóm Chòi, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội:

Giao cho ông Tr V Đ, Ông Trương V T, ông Tr V Th được quản lý gian nhà mái bằng, công trình phụ, giếng khoan trên diện tích 79m² trị giá 692.369.000 đồng.

Phần diện tích sân, lối đi còn lại là 164m² tại xóm Đầu Làng và 79 m² tại xóm Chòi đều thuộc thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội là di sản của cụ Trương Văn Đông để lại đã hết thời hiệu chia thừa kế theo các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Sau khi xét xử bản án dân sự phúc thẩm nêu trên không bị kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm nên bản án có hiệu lực thi hành.

Sau khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật; ngày 13/5/2022, Bà Trương T Y có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trương Văn Đông để lại theo quy định của pháp luật như đã phân tích ở trên yêu cầu của bà Y là còn thời hiệu. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày di sản thừa kế của cụ Đông, cụ Hén còn có khối tài sản tại 54 Hàng Đào và 28 Ngõ Huyện để chia thừa kế. Về vấn đề này tại trang 19 của Bản án phúc thẩm số 161 ngày 30/6/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có nhận định: "...Tại phiên tòa ông T, ông Th, ông C, ông Đ không đề nghị Tòa án giải quyết số tiền cụ Hén bán nhà 54 Hàng Đào, 28 Ngõ Huyện vì cụ Hén đã cho ông Tiến, ông Ch, ông M, bà Y rồi. Yêu cầu này có căn cứ vì đây không phải là di sản của cụ Hén nữa..."; tại phần quyết định của bản án cũng quyết định di sản của cụ Trương Văn Đông và cụ Nguyễn Thị Hén gồm có nhà đất diện tích 329m² tại thửa 57 tờ bản đồ số 8 năm 1994 xóm Đầu Làng; nhà đất diện tích 158m² tại thửa 63 tờ bản đồ số 6 năm 1994 xóm Chòi. Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định không có căn cứ xác định di sản của cụ Đông trong 02 khối tài sản khối tài sản tại 54 Hàng Đào và 28 Ngõ Huyện để phân chia thừa kế là có căn cứ.

Từ những phân tích trên Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ Trương Văn Đông để lại là phần diện tích 164m² tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 08 (hệ bản đồ năm 1994) tại xóm Đầu Làng, thôn cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội và diện tích 79m² tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 06 năm 1994 tại xóm Chòi, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Về công tác tố tụng, duy trì bảo quản di sản, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ lời khai của các đương sự; Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào bản án dân sự phúc thẩm số 161/DSPT ngày 30/6/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử đã có hiệu lực và thi hành đối với phần di sản của cụ Đông để lại bản án đã xác định không giao hoặc tạm giao cho ai quản lý sử dụng; đối với phần di sản của cụ Hén để lại đã Tòa đã phân chia cho các đương sự là ông T, ông

Đ, ông Th, ông C bằng hiện vật để quản lý, sử dụng và các đương sự đã ở và sử dụng nên Hội đồng xét xử không tính công sức tảo mộ, duy trì bảo quản di sản của cụ Đồng để lại cho ai trong hàng thừa kế của cụ Đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm qua xem xét thẩm định và định giá tài sản thì diện tích thực tế của thửa đất số 57, tờ bản đồ 08 (hệ bản đồ năm 1994) tại xóm Đầu Làng, thôn cổ Diên A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội là $372,3m^2$ và diện tích thực tế của thửa đất số 63, tờ bản đồ 06 năm 1994 tại xóm Chòi, thôn Cổ Diên A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội là $154,5m^2$. Căn cứ vào việc phân chia của bản án dân sự phúc thẩm số 161 ngày 30/6/2009 thì di sản của cụ Trương Văn Đồng để lại theo số đó thực tế là phần diện tích $163,3m^2$ tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 08 (hệ bản đồ năm 1994) tại xóm Đầu Làng, thôn cổ Diên A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội và diện tích $75,5m^2$ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 06 năm 1994 tại xóm Chòi, thôn Cổ Diên A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Như vậy phần diện tích còn lại $75,5m^2$ (diện tích đo thực tế) tại xóm Chòi, thôn cổ Diên A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội là di sản của cụ Đồng để phân chia, phần di sản mà mỗi thừa kế được hưởng tại xóm Chòi sẽ là $75,5m^2 : 9 = 8,3m^2$ (làm tròn) có trị giá 249.000.000 đồng.

Diện tích $163,3m^2$ (diện tích đo thực tế) tại xóm Đầu Làng, thôn cổ Diên A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội là di sản của cụ Đồng để phân chia.

Tuy nhiên qua xem xét thực tế các phần đất đã được giao cho ông C, ông Th, ông Đ không có ngõ đi nào khác. Tại Bản án số 161/2009/DSPT ngày 30/6/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội không xác định phần đất làm ngõ đi chung nên trong Bản án này xác định $49,6m^2$ đất trong tổng số $163,3m^2$ để làm ngõ đi chung, phần di sản mà mỗi thừa kế được hưởng tại xóm Đầu Làng là $(163,3m^2 - 49,6m^2) : 9 = 12,6m^2$ (làm tròn) có trị giá 378.000.000 đồng.

Mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng là: $8,3m^2 + 12,6m^2 = 20,9m^2$ có trị giá là 627.000.000 đồng.

Ông T V T, ông T V M và những người thừa kế của ông T V Ch tặng cho phần di sản mình được hưởng cho Bà Trương T Y. Xét việc tặng cho phần di sản mình được hưởng của ông T V T, ông T V M, những người thừa kế của ông T V Ch cho bà Y là tự nguyện, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, do đó được chấp nhận. Bà Trương T Y được hưởng phần di sản là: $20,9m^2 \times 4$ (kỹ phần) = $83,6m^2$.

Để đảm bảo quá trình sử dụng đất trên thực tế cũng như đảm bảo quyền lợi của các bên nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định giao phần di sản được hưởng của ông Tiến, ông M, ông Ch, bà Y tại xóm Đầu Làng sẽ được chuyển về xóm Chòi. Phần di sản của ông T, ông C, ông Th, ông Đ được hưởng ở xóm Chòi sẽ được chuyển về xóm Đầu Làng là có căn cứ.

3.4. Chia bằng hiện vật:

Phân chia di sản đối với thửa đất tại xóm Chòi:

Theo di chúc cụ Hên ngày 30/4/2005 có hiệu lực nên giao các thừa kế của ông Tr V Đ, các thừa kế của ông Tr V Th, Ông Trương V T quản lý phần của cụ Hên được

hưởng là $8,3\text{m}^2$. Như vậy các thừa kế của ông Tr V Đ, các thừa kế của ông Tr V Th, Ông Trương V T quản lý, sử dụng diện tích đất tại xóm Chồi là $8,3\text{m}^2 + 79\text{m}^2 = 87,3\text{m}^2$. Phần diện tích còn lại của thửa đất tại xóm Chồi $154,5\text{m}^2 - 87,3\text{m}^2 = 67,2$ giao cho Bà Trương T Y quản lý, sử dụng trên đất có 01 cổng sắt, 01 bể nước, 01 cây nhãn, 01 cây quất hồng bì. Bà Y có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị những tài sản nêu trên cho các ông T, các thừa kế của ông Th, các thừa kế của ông Đ là 5.742.000 đồng chia cho mỗi một ông là 1.914.000 đồng.

Phân chia di sản đối với thửa đất tại xóm Dầu Làng:

Theo di chúc cụ Hén ngày 30/4/2005 có hiệu lực nên kỹ phần của cụ Hén được hưởng là $12,6\text{m}^2$ chia cho các thừa kế của ông Tr V Đ, các thừa kế của ông Tr V Th, Ông Trương V T, Ông Trương V C quản lý sử dụng; như vậy mỗi kỹ phần thừa kế của cụ Hén được hưởng là: $12,6\text{m}^2 : 4 = 3,15\text{m}^2$. Tại Bản án số 161/2009/DSPT ngày 30/6/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giao cho Ông Trương V C quản lý 32m^2 ; ông Tr V Th quản lý 32m^2 ; ông Tr V Đ quản lý 40m^2 ; Ông Trương V T quản lý 60m^2 ; kỹ phần mỗi ông được hưởng từ cụ Đổng là $20,9\text{m}^2$.

Tổng số diện tích ông C được hưởng là $56,05\text{m}^2$; các thừa kế của ông Tr V Th được hưởng là $56,05\text{m}^2$; các thừa kế của ông Tr V Đ được hưởng là $64,05\text{m}^2$; ông T được hưởng là $84,05\text{m}^2$.

Hiện trạng ông C đang quản lý, sử dụng là $53,3\text{m}^2$, như vậy ông C đang quản lý, sử dụng với diện tích ít hơn số diện tích đất được hưởng là $2,75\text{m}^2$.

Hiện trạng các thừa kế của ông Tr V Th đang quản lý diện tích là $41,7\text{m}^2$, ít hơn diện tích được hưởng là $14,35\text{m}^2$.

Hiện trạng các thừa kế của ông Đ đang quản lý $56,8\text{m}^2$, ít hơn diện tích được hưởng là $7,25\text{m}^2$.

Hiện trạng ông T đang quản lý $125,9\text{m}^2$, nhiều hơn diện tích được hưởng là $41,85\text{m}^2$.

Kỹ phần Bà Trương T Y được hưởng và được các thừa kế khác tặng cho là $83,6\text{m}^2$, bà Y quản lý, sử dụng là $67,2\text{m}^2$, như vậy còn thiếu $16,4\text{m}^2$ đất.

Nghĩa vụ thanh toán buộc ông T phải thanh toán bằng tiền bằng giá trị đất cho Bà Trương T Y, các thừa kế của ông Tr V Th, các thừa kế của ông Tr V Đ, Ông Trương V C. Cụ thể:

Ông Trương V T phải thanh toán cho Ông Trương V C số tiền: $2,75\text{m}^2 \times 30.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 82.000.000 \text{ đồng}$.

Ông Trương V T phải thanh toán cho Bà Trương T Y số tiền: $16,4\text{m}^2 \times 30.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 492.000.000 \text{ đồng}$. Đối trừ nghĩa vụ Ông Trương V T phải thanh toán cho Bà Trương T Y số tiền 490.086.000 đồng.

Ông Trương V T phải thanh toán cho các thừa kế của ông Tr V Th số tiền: $14,35\text{m}^2 \times 30.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 430.000.000 \text{ đồng}$.

Ông Trương V T phải thanh toán cho các thừa kế của ông Tr V Đ số tiền: $7,25\text{m}^2 \times 30.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 217.000.000 \text{ đồng}$.

Do quá trình chia di sản thừa kế tính toán có làm tròn số nên diện tích đất thực tế sử dụng ông T sử dụng với việc thanh toán giá trị với diện tích đất cho các đồng

thừa kế khác sai số là 1,1m²; Hội đồng xét xử xem xét tính vào phần diện tích đất của ông T được quyền quản lý sử dụng.

Từ những nhận định trên các đương sự kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để xem xét Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án như nhận định ở trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do các đương sự là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các Ông Trương V T, chị Tr H H1, chị Trương Thị Mỹ, chị Tr H A, chị Tr H Ng kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Trương V C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Tr Q T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 42/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì và quyết định:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của Bà Trương T Y.

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Trương Văn Đồng là ngày 22/10/1994.

Xác định di sản của cụ Trương Văn Đồng tại thời điểm mở thừa kế là phần diện tích 163,3m² (đo thực tế) tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 08 tại xóm Đầu Làng, thôn cổ Diên A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội và diện tích 75,5m² (đo thực tế) tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 06 năm 1994 tại xóm Chòi, thôn Cổ Diên A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Xác định diện tích 49,6m² trong diện tích 163,3m² (đo thực tế) tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 08 tại xóm Đầu Làng, thôn cổ Diên A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội là ngõ đi chung.

Xác định những người thừa kế của cụ Trương Văn Đồng tại thời điểm mở thừa kế gồm cụ Nguyễn Thị Hén, Ông Trương V T, ông Tr V Đ, ông Tr V Th, Ông Trương V C, ông T V Ch, ông T V T, ông T V M và Bà Trương T Y.

Ông Đ chết năm 2017 nên bà B T M, sinh năm: 1951 (Vợ ông Đ); anh Tr Q T, sinh năm: 1979 (Con ông Đ); chị Tr T M sinh năm: 1972 (Con ông Đ) là người thừa kế của ông Đ được hưởng kỷ phần thừa kế di sản để lại của cụ Trương Văn Đồng.

Ông Th chết năm 2018 nên bà H T Y, sinh năm: 1953 (Vợ ông Th); chị Tr H H, sinh năm: 1977 (Con ông Th); chị Tr H Ng, sinh năm: 1979 (Con ông Th); chị Tr H H1, sinh năm: 1981 (Con ông Th); chị Tr H A, sinh năm 1985 (Con ông Th) là người thừa kế của ông Th được hưởng kỷ phần thừa kế di sản để lại của cụ Trương Văn Đồng.

Ông Ch chết năm 2014 nên bà V T H; sinh năm: 1958 (Vợ ông Ch); anh Tr V C1; sinh năm: 1980 (Con ông Ch); anh Tr V D; sinh năm: 1983 (Con ông Ch) là người thừa kế của ông Ch được hưởng kỷ phần thừa kế di sản để lại của cụ Trương Văn Đồng.

Xác định Di sản của cụ Trương Văn Đồng để lại được chia theo pháp luật.

Xác định mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng diện tích 20,9m² đất có trị giá là 627.000.000 đồng.

Xác định Ông T V T, ông T V M và những người thừa kế của ông T V Ch là bà V T H, anh Tr V C1, anh Tr V D tặng cho phần di sản mình được hưởng của cụ Trương Văn Đồng cho Bà Trương T Y.

1.2. Chia bằng hiện vật: Có sơ đồ kèm theo bản án.

Chia Bà Trương T Y được quyền quản lý, sử dụng diện tích 67,2m² của thửa đất số 63, tờ bản đồ số 06, địa chỉ xóm Chòi, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội trên đất có 01 bể nước, 01 cổng sắt, 01 cây nhãn, 01 cây quất hồng bì. Diện tích đất này được xác định bởi các điểm 3,4,5,6,3.

Chia cho các thừa kế của ông Tr V Đ là bà B T M, anh Tr Q T, chị Trương Thị Mỹ; các thừa kế của ông Tr V Th là bà H T Y, chị Tr H H, chị Tr H Ng, chị Tr H H1, chị Tr H A; Ông Trương V T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 87,3m² của thửa đất số 63, tờ bản đồ số 06, địa chỉ xóm Chòi, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội cùng các tài sản trên đất. Diện tích đất này được xác định bởi các điểm 1,2,3,6,1.

Chia Ông Trương V C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 53,3m² đất cùng các công trình trên đất của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08 tại Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm 20,23,24,25,17,18,19,20.

Chia cho các thừa kế của ông Tr V Th là bà H T Y, chị Tr H H, chị Tr H Ng, chị Tr H H1, chị Tr H A được quyền quản lý, sử dụng diện tích 41,7m² đất cùng các công trình trên đất của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08, tại Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm 21,30,24,23,20,21.

Chia các thừa kế của ông Tr V Đ là bà B T M, anh Tr Q T, chị Tr T M được quyền quản lý, sử dụng diện tích 56,8m² đất cùng các công trình trên đất của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08, tại Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,30,31,21,22,1.

Chia Ông Trương V T có quyền quản lý, sử dụng diện tích 125,9m² đất và các công trình trên đất của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08, tại Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm 13,14,15,16,17,25,26,27,28,29,13.

Xác định diện tích 49,6m² của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 08, diện tích 329m² tại Xóm Đầu Làng, thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các điểm 7,8,9,10,11,12,13,29,28,27,26,25,24,30,7 là ngõ đi chung.

1.3. Về nghĩa vụ thanh toán:

Bà Trương T Y phải thanh toán cho các thừa kế của ông Tr V Th là bà H T Y, chị Tr H H, chị Tr H Ng, chị Tr H H1, chị Tr H A số tiền 1.914.000 đồng.

Bà Trương T Y phải thanh toán cho các thừa kế của ông Tr V Đ là bà B T M, anh Tr Q T, chị Tr T M số tiền 1.914.000 đồng.

Ông Trương V T phải thanh toán cho Ông Trương V C số tiền 82.000.000 đồng.

Ông Trương V T phải thanh toán cho Bà Trương T Y số tiền 490.086.000 đồng.

Ông Trương V T phải thanh toán cho các thừa kế của ông Tr V Th là bà H T Y, chị Tr H H, chị Tr H Ng, chị Tr H H1, chị Tr H A số tiền 430.000.000 đồng.

Ông Trương V T phải thanh toán cho các thừa kế của ông Tr V Đ là bà B T M, anh Tr Q T, chị Tr T M số tiền 217.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về Án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Bà Trương T Y số tiền 24.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0062771 ngày 22/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Tr Q T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Anh Tuấn đã nộp 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0063698 ngày 12/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì nay chuyển thành án phí.

Ông Trương V C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Trương V T, chị Trương Thị Mỹ, chị Tr H H1, chị Tr H Ng, chị Tr H A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả chị Tr H H1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0063700 ngày 12/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Hoàn trả chi Tr T M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0063699 ngày 12/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Hoàn trả chi Tr H Ng số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0063709 ngày 19/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Hoàn trả chi Tr H A số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0063708 ngày 12/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Thanh

Trì;

- THADS huyện Thanh

Trì;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Như Lâm